

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 1**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Anh 1
- Mã học phần:** TANH 001
- Số tín chỉ:** 02(2,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- Phân bố thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học tiếng Anh ở bậc trung học phổ thông.
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	<u>Trang.phamhuyen88@gmail.com</u>
5	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	<u>huongtrakhanhhung@gmail.com</u>
8	ThS. Đặng Thị Minh Phương	0352598717	<u>phuongdhsd@gmail.com</u>

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,... Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: can, have got, there is/are, like,... và một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi,... Mỗi bài học trong học phần gồm 4 phần, mỗi phần bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng, cấu trúc diễn tả các chủ điểm: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về con người, các hoạt động hàng ngày, giới thiệu về gia đình, đồ vật, địa điểm, nghề nghiệp, công việc thường ngày, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo,...	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt các cấu trúc tiếng Anh trình độ cơ bản (Elementary): Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định; thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, động từ khuyết thiếu. Phân biệt danh từ đếm được và danh từ không đếm được.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, hội thoại về các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về bản thân và người khác, miêu tả các thói quen hàng ngày, các hoạt động giải trí, hội thoại được về cách hỏi đường, thời gian và gọi đồ ăn trong nhà hàng.	3	[1.2.2.3]
MT2.2	Nghe hiểu về các chủ điểm giao tiếp thông thường. Đọc hiểu đoạn văn 200-300 từ về các chủ điểm giao tiếp như đoạn văn miêu tả bạn thân, bưu thiếp, đoạn văn miêu tả người, nơi chôn, bản đồ, sơ đồ đơn giản, tờ quảng cáo bán hàng, bài báo ngắn hoặc tiểu sử...	3	[1.2.2.3]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT2.3	Viết đoạn văn 100-120 từ về các chủ đề: miêu tả người, miêu tả nơi chốn, sự kiện, viết đoạn văn so sánh, miêu tả nơi ở, kể lại một ngày làm việc, thói quen, viết đoạn văn về dự định, kế hoạch trong tương lai.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được từ vựng diễn đạt các hoạt động giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về con người, các hoạt động hàng ngày, giới thiệu về gia đình, đồ vật, địa điểm, nghề nghiệp, công việc thường ngày, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo.	1	[2.1.2]
CDR1.2	Giải thích được các cấu trúc câu tiếng Anh trình độ sơ cấp (Elementary): Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, động từ khuyết thiếu. Phân biệt danh từ đếm được và danh từ không đếm được.	2	[2.1.2]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR2	Kĩ năng		
CDR2.1	Giới thiệu bản thân và những người khác, hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu.	3	[2.2.6]
CDR2.2	Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng.	3	[2.2.6]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	Starter 1 1. Grammar: to be; Possessive Adjectives; Subject pronouns 2. Vocabulary: The Alphabets; nationalities; months	X	X	X	X	X		X
2	Starter 2 1. Grammar: Nouns; this, that, these, those 2. Vocabulary: School equipment; Number; Telling the time	X	X	X	X	X	X	X
3	Unit 1: It's my life 1.1. Vocabulary & Grammar: my things 1.2. Grammar focus:	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	have got 1.3. Vocabulary & Listening: my family 1.4. Grammar focus: possessive 's 1.5. Grammar focus: There is/are; possessive pronouns 1.6. Listening & Writing 1.7. Real time							
4	Unit 2: Your day 2.1.Vocabulary & Reading: School life 2.2.Grammar focus: present simple affirmative; time expressions 2.3.Vocabulary & Reading: Routines 2.4.Grammar focus: Present simple negative; object pronouns 2.5.Grammar focus: present simple questions 2.6.Vocabulary & Speaking: free time 2.7. Active study 1	X	X	X	X	X	X	X
5	Unit 3: Urban life 3.1.Vocabulary & Listening: Shopping 3.2.Grammar focus: Countable & uncountable nouns;	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	some/any 3.3.Vocabulary & Listening: My home 3.4.Grammar focus: Much/ many/ a lot of 3.5.Reading & Vocabulary 3.6.Vocabulary & Listening: in town 3.7. Speaking & Writing 3.8.Real time							
6	Unit 4: Keep fit 4.1.Vocabulary & Speaking: Sport 4.2.Grammar focus: Can 4.3.Vocabulary & Reading: Health 4.4.Grammar focus: Adverbs; Imperatives 4.5.Vocabulary & Reading: Extreme Sport 4.6.Listening & Speaking 4.7. Active Study 2	X	X	X	X	X	X	X
7	Unit 5: Eat well 5.1.Vocabulary & Listening: Food 5.2.Grammar focus: Like/ love/ hate + ing 5.3.Grammar focus: articles 5.4.Vocabulary & Writing: cooking	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	5.5.Speaking & Vocabulary 5.6. Reading & Listening 5.7. Real time							
8	Unit 6: My time 6.1.Grammar focus: present continuous 6.2.Listening & Speaking 6.3.Vocabulary & Reading: Clothes 6.4. Reading & Speaking 6.5.Listening & Speaking 6.6. Active study 3	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần.
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần.
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên.	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm	50%	

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
		Thời gian: 120 phút		

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 2 câu hỏi: Giới thiệu bản thân và bốc thăm 1/10 chủ đề nói cho trước.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng QLCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trực tiếp trên máy tính. Nội dung thi kết thúc học phần gồm 2 phần chính: Nghe và đọc hiểu.

- Nghe: có 3 nội dung:

+ Nghe chọn đáp án cho câu hỏi

+ Nghe 1 đoạn hội thoại và ghép câu hỏi và câu trả lời

+ Nghe 1 bài thuyết trình và chọn đáp án cho các câu hỏi

- Đọc hiểu: Gồm 4 nội dung

+ Đọc bảng thông báo và chọn đáp án phù hợp

+ Đọc đoạn văn và chọn từ điền vào chỗ trống

+ Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

+ Chọn từ điền vào chỗ trống

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh trình độ sơ cấp.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Sao Đỏ.

13. Tài liệu phục vụ học phần:

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. Marty Hobbs Julia Starr Keddle, *Real life – Elementary – Students’ book*, Pearson Longman.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học:

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	<p>Starter 1&2</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trình bày các từ vựng chỉ quốc gia, các tháng trong năm, bảng chữ cái, các dụng cụ học tập, số đếm và cách nói thời gian.- Hiểu và sử dụng thành thạo động từ to be, tính từ sở hữu và các đại từ nhân xưng.- Hiểu và cấu tạo các danh từ và đại từ bất định.- Hội thoại giới thiệu bản thân và người khác. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>Starter 1</p> <ol style="list-style-type: none">1. Grammar: To be; possessive adjectives; subject pronouns2. Vocabulary: The alphabets; nationalities; months <p>Starter 2</p> <ol style="list-style-type: none">1. Grammar: Nouns, this, that, these, those2. Vocabulary: School equipment; number; telling the time	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giải thích nghĩa của từ vựng.- Luyện phát âm cho sinh viên.- Trình bày cách sử dụng động từ to be, tính từ sở hữu, đại từ nhân xưng.- Giao bài tập cho sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc trước tài liệu: [1] Starter 1 trang 5. [2] Unit 2 trang 6.- Tìm hiểu cách chia động từ to be, phân biệt đại từ nhân xưng và tính từ sở hữu tài liệu [2].- Hoàn thành bài tập 1-8 trang 1-3 phần bài tập tài liệu [1].- Liệt kê tên gọi của các quốc gia trên thế giới.- Liệt kê được các từ vựng chỉ dụng cụ học tập.- Tìm hiểu và phân biệt danh từ số ít và danh từ số nhiều trong tài liệu [2].- Hoàn thành bài tập trang 4-5 phần bài tập tài liệu [1].- Lập hội thoại hỏi giờ.	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.4, CDR3.1.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
2	<p>Unit 1. It's my life</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ các vật dụng cá nhân, từ chỉ các thành viên trong gia đình. - Hiểu và cấu tạo động từ Have got và sử dụng sở hữu cách, cấu trúc There is/are và đại từ sở hữu. - Giới thiệu về gia đình. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Vocabulary & grammar: My things 1.2. Grammar focus: Have got 1.3. Vocabulary & listening: My family 1.4. Grammar focus: Possessive 's 1.5. Grammar focus: There is/are; possessive pronouns 1.6. Listening & writing 1.7. Real time 	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích nghĩa của từ vựng. - Giải thích cách sử dụng cấu trúc have got/has got, there is/are và đại từ sở hữu. - Tổ chức hoạt động nhóm cho sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu: [1] Unit 1 trang 8-13. - Lập hội thoại hỏi đáp về các thành viên trong gia đình theo cặp. - Lắng nghe, ghi chép, luyện phát âm. - Hoàn thành bài tập trang 6-9 phần bài tập tài liệu [1]. - Liệt kê các từ vựng chỉ đồ vật trong nhà, từ vựng chỉ thành viên trong gia đình. - Tìm hiểu cách sử dụng động từ Have got và sở hữu cách trong tiếng Anh trong tài liệu [2]. - Lập hội thoại hỏi đáp về các thành viên trong gia đình. - Hoàn thành bài tập trang 6-9 phần bài tập tài liệu [1]. - Tìm hiểu cách sử dụng cấu trúc There is/are tài liệu [2]. - Hoàn thành các bài tập trang 10-13 phần bài tập tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại làm quen, giới thiệu bản thân. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
3	<p>Unit 2. Your day</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ các môn học ở trường, từ vựng chỉ thói quen hằng ngày, các hoạt động giải trí. - Hiểu và cấu tạo động từ ở thì hiện tại đơn và các cụm từ diễn đạt thời gian. - Hiểu và đặt câu hỏi với thì hiện tại đơn. - Nói về 1 ngày của mình với các hoạt động rảnh rỗi. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>2.1. Vocabulary & reading: School life</p> <p>2.2. Grammar focus: Present simple affirmative; time expressions</p> <p>2.3. Vocabulary & reading: Routines</p> <p>2.4. Grammar focus: Present simple negative; object pronouns</p> <p>2.5. Grammar focus: Present simple questions</p> <p>2.6. Vocabulary & speaking: Free time</p> <p>2.7. Active study 1</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn phát âm các từ vựng về thói quen hằng ngày. - Hướng dẫn trình bày bài nói về các hoạt động hằng ngày. - Xây dựng cấu trúc, giải thích cách dùng của thời hiện tại đơn giản. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu: [1] Unit 2 trang 16-21. [2] Unit 5 trang 18. - Ghi chép, luyện phát âm. - Hoàn thành bài tập trang 14-21 phần bài tập tài liệu [1]. - Viết được đoạn văn mô tả hoạt động hằng ngày. 	CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
4	<p>Unit 3. Urban life</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ các vật dụng và các đồ đạc trong gia đình, các tính từ chỉ nơi chốn, các danh từ chỉ địa điểm công cộng. 	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được. - Phân biệt cách sử dụng các lượng từ: Many/much. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>- Hiểu và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được.</p> <p>- Hội thoại miêu tả các phòng trong gia đình.</p> <p>- Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu miêu tả phương hướng.</p> <p>- Viết đoạn văn miêu tả 1 địa điểm cụ thể.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3.1. Vocabulary & listening: Shopping</p> <p>3.2. Grammar focus: Countable & uncountable nouns; some/any</p> <p>3.3. Vocabulary & listening: My home</p> <p>3.4. Grammar focus: Much/many/a lot of</p> <p>3.5. Reading & vocabulary</p> <p>3.6. Vocabulary & listening: In town</p> <p>3.7. Speaking & writing</p> <p>3.8. Real time</p>		<p>- Hướng dẫn sinh viên thành lập đoạn hội thoại mua bán.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1] Unit 3 trang 24-25.</p> <p>[2] Unit 66, 67 trang 140</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 22-25 phần workbook tài liệu [1].</p> <p>- Nghe, ghi chép bài đầy đủ, thảo luận nhóm.</p>	<p>CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.</p>
5	<p>Unit 4. Keep fit</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày các từ vựng về các môn thể thao, sức khỏe.</p> <p>- Hiểu và sử dụng động từ Can và mệnh lệnh thức.</p> <p>- Đọc hiểu, hội thoại về các hoạt động thể thao hoặc các môn thể thao yêu thích.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1. Vocabulary & speaking: Sport</p>	<p>6 (4LT, 0TH, 2KT)</p>	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên cách phát âm từ vựng các môn thể thao.</p> <p>- Giải thích cách sử dụng của động từ khuyết thiếu.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên kỹ năng đọc hiểu.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>Đọc trước tài liệu:</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	4.2. Grammar focus: Can 4.3. Vocabulary & reading: Health 4.4. Grammar focus: Adverbs; imperatives 4.5. Vocabulary & reading: Extreme sport 4.6. Listening & speaking 4.7. Active study 2 Kiểm tra giữa học phần		[1] Unit 4 trang 32-35. [2] Unit 26, 27, 28 trang 52-58. - Ghi chép, luyện phát âm, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. - Làm việc theo nhóm, thiết lập đoạn hội thoại đưa ra lời khuyên. - Hoàn thành bài tập trang 30-33 phần workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập phần Active study trang 38-39 tài liệu [1]. - Làm bài kiểm tra.	
6	Unit 5. Eat well Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các món ăn. - Hiểu và cấu tạo động từ Like/love/hate và các mạo từ - Trình bày các bước nấu một món ăn. - Đọc hiểu và hội thoại gọi đồ ăn khi vào nhà hàng. Nội dung cụ thể: 5.1. Vocabulary & listening: Food 5.2. Grammar focus: Like/love/hate + ing 5.3. Grammar focus: Articles 5.4. Vocabulary & writing: Cooking 5.5. Speaking & vocabulary	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề Giảng viên: - Hướng dẫn sinh viên phát âm từ mới. - Giải thích cách sử dụng động từ like/love/hate+ Ving. Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 5 trang 40-45. [2] Unit 53 trang 106. - Ghi chép luyện phát âm, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. - Liệt kê các từ vựng về chủ đề thức ăn theo nhóm. - Hoàn thành các bài tập trang 40-43 phần workbook tài liệu [1].	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	5.6. Reading & listening 5.7. Real time			
7	<p>Unit 6. My time</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ trang phục. - Hiểu và cấu tạo động từ ở thì hiện tại tiếp diễn. - Hội thoại giới thiệu phong cách thời trang cá nhân. - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Miêu tả 1 bức tranh. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1. Grammar focus: Present continuous</p> <p>6.2. Listening & speaking</p> <p>6.3. Vocabulary & reading: Clothes</p> <p>6.4. Reading & speaking</p> <p>6.5. Listening & speaking</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Hướng dẫn cách đặt câu mô tả trang phục. - Giao bài tập nhóm cho sinh viên, mô tả trang phục các bạn trong lớp. <p>Sinh viên:</p> <p>Đọc trước tài liệu: [1] Unit 6 trang 48-52. [2] Unit 1,2 trang 2,3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Làm việc theo nhóm liệt kê các từ vựng chỉ trang phục. - Hoàn thành các bài tập trang 48-51 phần workbook tài liệu [1]. - Viết 1 đoạn văn miêu tả 1 bức tranh. - Ghi chép, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. 	CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
8	<p>Active study 3</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến món ăn, trang phục. - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ ở thì hiện tại tiếp diễn. - Nghe hiểu và hội thoại về những hoạt động mua 	4 (4LT, 0TH)	<p>Tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Hướng dẫn miêu tả trang phục. - Giao bài tập nhóm cho sinh viên. - Nhận xét. <p>Sinh viên:</p>	CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	sắm, chế biến món ăn. Nội dung cụ thể: 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills		Đọc trước tài liệu: [1] Active study 3 trang 54. [2] Unit 1,2 trang 2,3. - Phân biệt được thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Làm việc theo nhóm liệt kê các từ vựng chỉ trang phục. - Ôn tập các nội dung từ unit 1 đến unit 6. - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỜNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỜNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên